

Một số tiếp cận nghiên cứu về chiến lược ứng phó trong sinh kế của hộ gia đình với các cú sốc và căng thẳng

Phan Thị Hoàn*

Tóm tắt: Sinh kế là một trong những chủ đề nghiên cứu phát triển được quan tâm từ nhiều thập niên trước, tuy vậy đây vẫn luôn là vấn đề quan trọng bởi nó liên quan tới các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Đặt trong bối cảnh môi trường tự nhiên và xã hội luôn có những biến động, đặc biệt là các hiện tượng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh liên tục xảy ra, thì ổn định và bền vững sinh kế vẫn là một ưu tiên. Trên cơ sở thực hiện đề tài cấp cơ sở “Sinh kế và ứng phó của các gia đình làm du lịch cộng đồng dưới tác động Covid-19” (Nghiên cứu trường hợp thành phố Hội An) do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì, bài viết này tập trung tổng quan các tài liệu về chiến lược ứng phó về sinh kế với các cú sốc và căng thẳng nhằm khái quát một số cách tiếp cận nghiên cứu về vấn đề này. Từ đó, bài viết xây dựng khung phân tích để làm cơ sở nghiên cứu về chiến lược ứng phó trong sinh kế của hộ gia đình với các cú sốc, căng thẳng nói chung và xác định một số luận điểm quan trọng để làm nền tảng phân tích, đánh giá các vấn đề từ nghiên cứu trường hợp¹.

Từ khóa: Chiến lược ứng phó; Sinh kế; Hộ gia đình; Cú sốc; Căng thẳng.

Ngày nhận bài: 4/8/2021; ngày chỉnh sửa: 11/10/2021; ngày duyệt đăng: 15/11/2021.

1. Đặt vấn đề

Sinh kế là vấn đề nhận được sự quan tâm nghiên cứu của các học giả và tổ chức phát triển quốc tế từ giữa những năm 1980, bởi đây được xem là mấu chốt

* TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Cơ sở: “Sinh kế và ứng phó của gia đình làm du lịch cộng đồng dưới tác động của dịch Covid-19 (Nghiên cứu trường hợp thành phố Hội An)” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2021.

trong việc giải quyết nghèo đói ở khu vực nông thôn tại các nước đang phát triển (Chambers & Conway, 1991; Rennie & Singh, 1996; Scoones, 1998; DFID, 1999). Có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm “sinh kế”, tuy nhiên, định nghĩa về sinh kế và sinh kế bền vững của Chambers & Conway thường được sử dụng hơn cả (Haidar, 2009). Theo đó, “một sinh kế bao gồm các năng lực, nguồn vốn và hoạt động cần thiết cho một phương thức sống” (Chambers & Conway, 1991:6).

Trong các nghiên cứu về sinh kế, cú sốc hay những căng thẳng, khủng hoảng được xem là bối cảnh tổn thương bên ngoài tác động tới sinh kế và an ninh lương thực. Theo Chambers & Conway (1991), hộ gia đình hay cộng đồng thường xuyên phải đối mặt với những căng thẳng và cú sốc. Trong đó, “căng thẳng là những áp lực thường xuyên và tích tụ, có thể dự đoán và gây lo lắng chằng hạn như những thiếu thốn theo mùa vụ, dân số gia tăng hoặc suy giảm tài nguyên. Còn cú sốc là những tác động bất ngờ, khó dự đoán, gây tổn thương chằng hạn như hoả hoạn, lũ lụt và dịch bệnh” (theo Chambers & Conway, 1991:10). Các cú sốc đến từ bên ngoài được phân chia thành thảm hoạ tự nhiên và khủng hoảng kinh tế (Ghorpade, 2012). Cụ thể hơn, căng thẳng làm gia tăng áp lực lên sinh kế và an ninh lương thực hộ, còn cú sốc gây nên sự suy giảm sinh kế và an ninh lương thực hộ (USAID, 2011:11). Như vậy, cả cú sốc và căng thẳng đều tác động lớn đối với sinh kế của hộ gia đình nói riêng, đối với cộng đồng nói chung. Nhưng, sự khác nhau giữa hai loại sức ép này được thể hiện ở khả năng dự đoán, mức độ tác động và quy mô thời gian xảy ra.

Cú sốc được phân loại theo một số cách khác nhau. Xét về phạm vi và quy mô tác động, cú sốc được phân thành hai loại: thứ nhất là những cú sốc ảnh hưởng tới toàn bộ cộng đồng và tới các thành viên ở các mức độ khác nhau như: chiến tranh, hạn hán, bão, lũ lụt, hoả hoạn, nạn đói, dịch bệnh hay sự sụp đổ của một thị trường...; và thứ hai là loại cú sốc ảnh hưởng tới cá nhân và hộ gia đình như: tai nạn, cái chết của thành viên trong gia đình hay của vật nuôi có giá trị, thảm hoạ, mất việc làm... (Chambers & Conway, 1991; Ghorpade, 2012). Xét theo lĩnh vực, cú sốc được chia thành 5 loại gồm: về kinh tế (siêu lạm phát, suy thoái, bất ổn giá cả, mất mùa, cú sốc về cung ứng...); về tự nhiên (thảm hoạ tự nhiên như lũ lụt, động đất, sóng thần, hạn hán...); sức khoẻ (bệnh tật đột ngột, cái chết...); chính trị (Đình công/bãi công, chiến tranh, xung đột vũ trang...); xã hội (bị loại khỏi mạng lưới xã hội, ngắt kết nối xã hội do thảm hoạ, chết, bệnh tật hay xung đột...) (USAID, 2011).

Có nhiều định nghĩa khác nhau về “chiến lược ứng phó” với các cú sốc hay căng thẳng tùy theo góc độ tiếp cận. Trên khía cạnh an ninh lương thực, “chiến lược ứng phó” được định nghĩa là “những cách đối phó của người nghèo với việc suy giảm nguồn lương thực trong những mùa vụ nay năm bất thường” (Davies, 1993:1). Trên phương diện sinh kế, đó “là các cách thức mà hộ gia đình

lần lượt sử dụng khi đối mặt với những biến động không dự báo trước của sinh kế” (Ellis, 2000, dẫn theo Conroy và cộng sự, 2001:54). Hay nói chung chiến lược ứng phó là hành động mà hộ gia đình hoặc cá nhân sử dụng khi những cú sốc xảy ra đẩy họ tới tình trạng khó khăn hơn bình thường (Oxfam, 2018). Từ những định nghĩa trên, có thể xác định chiến lược ứng phó trong sinh kế của hộ gia đình trước các cú sốc và căng thẳng được xem là sự thay đổi hay điều chỉnh hành vi của hộ gia đình trong các hoạt động sinh kế và trong việc sử dụng các nguồn lực sinh kế của hộ khi đối mặt với những hoàn cảnh bất ngờ xảy ra gây tác động tới sinh kế hộ gia đình.

Bài viết tổng quan các tài liệu nghiên cứu chiến lược ứng phó trong sinh kế của hộ gia đình đối với các cú sốc và căng thẳng nhằm tìm hiểu xem vấn đề này đã được tiếp cận dưới những góc độ nào. Trong đó, chiến lược ứng phó với các cú sốc về tự nhiên dẫn đến các cú sốc về kinh tế được chú trọng, bởi vì đây là lĩnh vực có nhiều nghiên cứu do nó gắn liền với vấn đề sinh kế, nghèo đói và phát triển ở các quốc gia đang phát triển. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích và đánh giá các tư liệu, bài viết sẽ xây dựng khung phân tích và rút ra các luận điểm để làm cơ sở lý thuyết cho các phân tích tiếp theo.

2. Chiến lược ứng phó trong sinh kế hộ gia đình từ góc độ an ninh lương thực

Chiến lược ứng phó của các hộ gia đình khi đối mặt với những căng thẳng và cú sốc như hạn hán, chiến tranh... dẫn đến nạn đói, suy giảm nghiêm trọng trong việc tiếp cận lương thực là vấn đề nghiên cứu nổi bật được các tổ chức phát triển quốc tế đặc biệt quan tâm, bởi nó nằm trong chương trình về an ninh lương thực những năm 1980 và 1990, đặc biệt là ở các quốc gia châu Phi (Corbett, 1988; Davies, 1993...).

Có nhiều định nghĩa khác nhau về thuật ngữ “an ninh lương thực”, nhưng cách hiểu chung nhất đó là việc tiếp cận đủ lương thực đảm bảo và kịp thời (Maxwell và Smith, 1993). Từ nội hàm khái niệm có thể thấy vấn đề này liên quan mật thiết tới sinh kế, bởi sinh kế tác động tới việc tiếp cận và sử dụng lương thực. Theo khung an ninh lương thực (USAID, 2011), sinh kế gồm các nguồn lực và hoạt động tạo thu nhập. Trong đó, các nguồn lực (con người, xã hội, tài chính, tự nhiên, vật chất) là môi trường bên ngoài, tác động trực tiếp tới hoạt động tạo nguồn thu nhập (lao động làm thuê, canh tác sản xuất lương thực...). Và hoạt động này tác động trực tiếp tới việc tiếp cận lương thực (tự sản xuất và tiêu dùng lương thực, mua, vay lương thực từ họ hàng hay từ các thành viên trong cộng đồng...). Tiếp theo, việc tiếp cận lương thực tác động trực tiếp tới việc sử dụng lương thực (chế độ ăn uống, mức tiêu thụ...) (USAID 2011:7). Như vậy, sinh kế có tác động trực tiếp và gián tiếp tới việc có lương thực để sử dụng

và khả năng tiếp cận lương thực được hay không. Việc đảm bảo sử dụng và tiếp cận lương thực nhằm duy trì an ninh lương thực cho hộ gia đình cũng là kết quả cần đạt được trong khung sinh kế hộ gia đình (USAID 2011:9).

Vì vậy, từ góc độ an ninh lương thực, chiến lược ứng phó của hộ thường được xem xét ở hai phương diện: thứ nhất là hành vi, biện pháp tức thời được thực hiện ngay khi xảy ra cú sốc khiến cho việc sử dụng và tiếp cận lương thực bị ảnh hưởng; thứ hai là sự điều chỉnh, thay đổi trong hành vi sinh kế theo dòng thời gian mà cú sốc xảy ra.

Phương diện thứ nhất thường được các tổ chức phát triển quốc tế thực hiện với mục đích xác định, đánh giá nhanh tình trạng, mức độ thiếu hụt lương thực của các hộ gia đình nhằm đưa ra sự cứu trợ kịp thời ở những khu vực xảy ra nạn đói ở châu Phi. Với mục đích đó, họ đã xây dựng bộ chỉ số chiến lược ứng phó (CSI = Coping Strategies Index). Bộ chỉ số này là công cụ để xác định, đo mức độ và tần suất của các hành vi mà hộ thực hiện khi họ không thể tiếp cận đủ nguồn lương thực, qua đó sẽ xác định được nhóm đối tượng cần được hỗ trợ nhất. Đồng thời nó cũng có thể được sử dụng để đo lường sự tác động, theo dõi, đánh giá các chương trình cứu trợ lương thực (Maxwell và Caldwell, 2008). Hành vi ứng phó ban đầu khi nạn đói xảy ra thường tập trung vào các hoạt động nhằm tối đa hoá nhu cầu tiêu dùng tức thời và điều chỉnh chế độ ăn uống. Chính ở khía cạnh này, sự ứng phó được xem là sự điều chỉnh tức thời khi nạn đói xảy ra, nhưng những điều chỉnh lâu dài về sinh kế lại được xem là “sự thích ứng” (Davies, 1993, 1996).

Sự điều chỉnh trong hoạt động sinh kế và cách sử dụng các nguồn lực sinh kế qua thời gian chính là phương diện thứ hai mà chiến lược ứng phó hay được nhìn nhận. Những thay đổi trong sinh kế nhằm ứng phó với hạn hán, thiên tai thường được nhìn nhận ở góc độ quá trình thích ứng, thích nghi. Chính vì thế, có quan điểm cho rằng việc ứng phó với nạn đói không nên chỉ giới hạn ở khía cạnh dinh dưỡng và y tế mà còn là khủng hoảng kinh tế hộ gia đình bởi các hành vi tiêu dùng và hoạt động sinh kế trong các giai đoạn ứng phó có ảnh hưởng rất lớn tới khả năng thu nhập trong tương lai của hộ (Corbett, 1988).

Nghiên cứu tại nhiều quốc gia châu Phi ở các thời điểm, khu vực khác nhau cho thấy sự đa dạng trong hành vi ứng phó về sinh kế của hộ đối với nạn đói. Trên phương diện này, có hai cách phân loại hành vi ứng phó, thứ nhất là các hành vi từ khi xảy ra nạn đói; thứ hai là các hành vi trước và sau khi nạn đói xảy ra. Thứ nhất, các hành vi ứng phó từ khi nạn đói xảy ra được khái quát thành ba mức theo mức độ trầm trọng đối với hộ gia đình (Corbett, 1988), hay còn được gọi là chiến lược quản lý mất mát (Frankenberger, 1993; USAID, 2011). Theo đó, giai đoạn đầu là điều chỉnh và thay đổi các hoạt động sinh kế như thay đổi mùa vụ, cách thức canh tác, tìm kiếm thêm thực phẩm hoang dã, di cư mùa vụ để tìm kiếm công việc được

trả tiền công, bán gia cầm... Tiếp theo, ở mức trầm trọng hơn, các hộ bắt đầu bán, cầm cố hoặc thế chấp các tài sản sản xuất chính như đất đai, công cụ sản xuất, gia súc... Và cuối cùng trầm trọng nhất là di cư ồ ạt, hộ gia đình phân tán đi các nơi. Với những hộ có thể vượt qua khủng hoảng nhờ các biện pháp ứng phó, họ sẽ bắt đầu đi vào giai đoạn phục hồi. Các hành vi ứng phó trong sinh kế đó nhằm duy trì mức tiêu thụ lương thực hiện tại cho hộ gia đình, nhưng trên thực tế nó cũng ảnh hưởng tới các nguồn lực sinh kế và hoạt động sinh kế của hộ trong tương lai, khi cú sốc qua đi. Bên cạnh đó, cũng có cách nhóm hành vi ứng phó gắn với 5 loại nguồn lực sinh kế như sử dụng tài nguyên chung, sử dụng mối quan hệ xã hội (họ hàng, bạn bè...), sử dụng tài sản thanh khoản hay sử dụng tài sản dự trữ của hộ và khả năng kiếm việc làm để đa dạng hoá nguồn thu nhập (Agarwal, 1990). Nhìn chung, hành vi ứng phó có thể được nhóm lại theo các loại hành động như: hạn chế tiêu dùng, tích trữ lương thực, bảo vệ các nguồn lực để hồi phục sinh kế, tiêu bán tài sản, đa dạng hoá các hoạt động kinh tế, viện trợ giúp (từ hàng xóm, cộng đồng, NGO...) và di chuyển - phân tán gia đình, tài sản và di cư toàn bộ (Chambers & Conway, 1991).

Thứ hai, các hành vi được nhìn nhận tại ba thời điểm trước, trong và sau cú sốc để nhìn nhận tiến trình thay đổi trong hành vi sinh kế của hộ trước biến động của sự cố. Frankenberger & Goldstein (1990), đã đưa ra ba nhóm chỉ báo, bao gồm: chỉ báo trước (hành vi ứng phó trước khi nạn đói xảy ra), chỉ báo hiện tại (các hành vi ứng phó được thực hiện khi xảy ra việc giảm khả năng tiếp cận lương thực) và các chỉ báo sau (bán đất đai, tài sản và di cư vĩnh viễn). Cụ thể, trong giai đoạn trước khi khủng hoảng thực sự xảy ra khiến cho việc tiếp cận lương thực bị giảm - giai đoạn tối thiểu hóa rủi ro - các hộ gia đình đã có những thay đổi việc sử dụng đất đai (điều chỉnh mùa vụ, cây trồng, thời gian canh tác...); hay đa dạng hóa hoạt động chăn nuôi (thay đổi vật nuôi, di chuyển đàn đến khu vực khác...). Trong giai đoạn khi khủng hoảng xảy ra, các hộ thường thực hiện các hành vi: thay đổi thói quen ăn uống, thay đổi nguồn lương thực, đa dạng hoá nguồn thu nhập, tiếp cận các loại vốn vay, bán gia súc, di cư mùa vụ (di cư theo thời vụ để tìm việc làm), bán tài sản sản xuất và di cư ồ ạt cả gia đình (Frankenberger, 1993:104-106). Có thể thấy, cách phân loại này giúp so sánh hành vi sinh kế của hộ gia đình ở hai thời điểm bình thường và khủng hoảng, qua đó thấy được mức độ của khủng hoảng tác động tới hoạt động sinh kế, và khả năng ứng phó thất bại hay thành công của hộ.

Bên cạnh những hành vi ứng phó cụ thể, các nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố tác động dẫn đến hành vi đó. Có nhiều yếu tố khác nhau tác động tới việc lựa chọn hành vi ứng phó của hộ, đó là: nguyên nhân gây ra sự cố, điều kiện đất đai địa phương, thị trường lao động, tiền tệ, và quan trọng nhất là tình trạng sinh kế của hộ,

đặc điểm hộ (Corbett, 1988; Davies, 1996). Một cách khái quát và đầy đủ hơn, Adams và cộng sự (1988) đã đưa ra các yếu tố cần tìm hiểu khi nghiên cứu động lực trong các hành vi ứng phó của hộ gia đình, bao gồm: bối cảnh bên ngoài (điều kiện kinh tế chính trị, sinh thái và khí hậu, văn hoá, cơ sở hạ tầng ở địa phương) và các nhân tố bên trong - các đặc điểm của hộ gia đình (đặc điểm nhân khẩu, tình trạng kinh tế - xã hội, mạng lưới xã hội, giới và việc ra quyết định, kinh nghiệm/trải nghiệm trong những lần ứng phó với các khủng hoảng, cú sốc khác). Đây là nội dung quan trọng cần được nhấn mạnh trong các nghiên cứu tiếp theo về chiến lược ứng phó của hộ gia đình để xác định yếu tố quan trọng giúp phục hồi sinh kế của hộ.

Có thể thấy, từ góc độ an ninh lương thực, sinh kế đóng vai trò trung gian trong chuỗi tác động của các cú sốc tới việc tiếp cận và sử dụng lương thực. Chiến lược ứng phó của hộ gia đình bao gồm điều chỉnh việc sử dụng lương thực trước mắt và thay đổi cách sử dụng nguồn lực và hoạt động sinh kế để làm tăng nguồn thu nhập của hộ gia đình.

3. Chiến lược ứng phó trong sinh kế hộ gia đình từ góc độ sinh kế bền vững

Trong tiếp cận sinh kế bền vững (DFID, 1999) và khung sinh kế hộ gia đình (USAID, 2011), các cú sốc, căng thẳng được xem là bối cảnh tổn thương tác động tới các nguồn lực và hoạt động sinh kế. Sinh kế được xem là bền vững “khi có thể ứng phó và hồi phục sau những căng thẳng và cú sốc, duy trì và phát triển các năng lực, nguồn vốn và mang lại các cơ hội sinh kế bền vững cho thế hệ sau” (Chambers & Conway, 1991:6).

Với tiếp cận này, chiến lược ứng phó được hiểu theo hai quan điểm khác nhau. Thứ nhất, chiến lược ứng phó là sự phản ứng, điều chỉnh tức thời và thay đổi ngắn hạn. Đó là sự điều chỉnh hành vi sử dụng nguồn lực và hoạt động sinh kế khi tình trạng an ninh lương thực bị đe dọa (Davies, 1996; Rennie và Singh, 1996; Conroy và cộng sự, 2001; USAID, 2011). Nó được phân biệt với chiến lược thích ứng, bởi chiến lược thích ứng là những cách mà hộ gia đình và cộng đồng thay đổi hoạt động sản xuất, điều chỉnh các nguyên tắc và thể chế chung trong bối cảnh tổn thương để đảm bảo các nhu cầu về sinh kế - nó là kết quả của sự tương tác lâu dài giữa con người và hệ sinh thái (Davies, 1996; Rennie và Singh, 1996). Tuy nhiên, chiến lược ứng phó sẽ trở thành chiến lược thích ứng nếu các hành vi ứng phó tức thời vẫn tiếp tục được thực hiện sau khi cú sốc xảy ra và trở thành hoạt động thường xuyên lâu dài (Rennie và Singh, 1996; Conroy và cộng sự, 2001; USAID, 2011). Quan điểm thứ hai cho rằng chiến lược ứng phó là một loại của chiến lược sinh kế, được sử dụng trong những tình huống căng thẳng, thường lặp lại (Niehof và Price, 2001). Hai tác giả này cho rằng khi hộ gia đình hay cá nhân ứng phó với tình huống bất ngờ mà họ chưa được chuẩn bị thì nó là phản ứng ngắn hạn, và không mang tính kế

hoạch. Nhưng “chiến lược ứng phó” là chuỗi hành động có chủ đích theo lựa chọn của hộ gia đình, cá nhân bởi vì “chiến lược” là “những biện pháp nhanh chóng hữu ích để cá nhân hoặc tập thể tìm kiếm một cách thức, hành động phù hợp và có hệ thống dựa trên tầm nhìn dài hạn” (Anderson và cộng sự, 1994:20, dẫn theo Niehof và Price, 2001: 16). Như vậy, cách hiểu chiến lược ứng phó trong quan điểm thứ hai này có sự tương đồng với quan điểm về chiến lược thích ứng.

Trong cách tiếp cận này, chiến lược ứng phó có mối quan hệ mật thiết với tính tổn thương. Tính tổn thương được xem xét ở hai phương diện: bên ngoài là mức độ tác động của cú sốc hay căng thẳng; bên trong là việc thiếu phương tiện để ứng phó với hoàn cảnh đó của cá nhân, hộ gia đình (Chambers, 1989). Mức độ tổn thất bởi tác động của cú sốc phụ thuộc vào cách ứng phó cũng như các nguồn lực của hộ gia đình và sự trợ giúp xã hội (Ellis, 2000). Để làm rõ khái niệm “tổn thương”, hai khái niệm khác thường được đưa vào để đo lường và đánh giá là “sự nhạy cảm” (sensitivity) và “khả năng chống chịu” (resilience). Sự nhạy cảm là “mức độ bị tác động khi cú sốc xảy ra và khả năng chống chịu là khả năng của hệ thống sinh kế hoặc hệ sinh thái có thể hồi phục sau căng thẳng hoặc cú sốc, hoặc là khả năng thích ứng với thay đổi” (Conroy và cộng sự, 2001:53). Ứng phó được xem là một thành phần của tính tổn thương, và hiểu rõ cơ chế của sự ứng phó và tính tổn thương là vô cùng quan trọng để xây dựng các đo lường thích ứng nhằm hỗ trợ nhóm đối tượng bị ảnh hưởng với tư cách họ là những chủ thể chủ động (Eriksen và cộng sự, 2005). Chiến lược ứng phó đa dạng và thành công sẽ làm giảm tính tổn thương sinh kế của hộ gia đình trước những cú sốc hay căng thẳng.

Từ góc độ sinh kế bền vững, ứng phó trong sinh kế được nhìn nhận ở khía cạnh hành vi đó có làm tổn hại tới nguồn lực sinh kế của hộ gia đình và nó có thể mang lại cơ hội sinh kế bền vững trong tương lai hay không. Bởi vậy, chiến lược ứng phó được xem là việc thực hiện các hành vi nhằm bảo vệ sinh kế trước mắt và trong lâu dài (Maxwell và Smith, 1993; Davies, 1996). Trên thực tế, có nghiên cứu chỉ ra rằng trong bối cảnh cú sốc hoặc căng thẳng, tính bền vững của sinh kế bị đe dọa hoặc không thể đạt được, đặc biệt đối với các hộ gia đình nghèo. Dưới áp lực về nhu cầu lương thực, họ đã phải áp dụng những biện pháp tạm thời có thể gây hại tới môi trường (khai thác quá mức tài nguyên) và như thế nghĩa là đang đánh đổi giữa sinh kế trước mắt và tính bền vững lâu dài (Frankenberger, Goldstein, 1990). Khi cú sốc như hạn hán kéo dài gây nên tình trạng căng thẳng thường xuyên, có những hộ gia đình phải bán phương tiện sản xuất thiết yếu (đất đai, gia súc...) và các tài sản khác, sinh kế nông nghiệp bị thất bại hoàn toàn và họ phải tìm kiếm sinh kế mới bằng cách di cư (Mishra, 2007). Trái lại, cũng có thực tế đã được quan sát, đó là sự đa dạng hoá sinh kế như là kết quả của chiến lược ứng phó: điều chỉnh các hoạt động sinh kế, hình thành sinh kế mới, đặc biệt là các sinh kế phi nông nghiệp

mà nổi bật là lao động làm thuê tại các địa phương khác (Ellis, 2000; Conroy và cộng sự, 2001). Các nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố khác nhau tác động đến hành vi ứng phó của hộ: mức độ kéo dài của cú sốc, nguồn vốn sinh kế của hộ, đặc điểm nhân khẩu của hộ (Conroy và cộng sự, 2001; Eriksen và cộng sự, 2005; Rashid, Langworthy & Aradhyula, 2006).

Kết luận quan trọng về chiến lược ứng phó của hộ gia đình được đưa ra trong tiếp cận sinh kế bền vững, đó là đa dạng hoá sinh kế được xem là chiến lược ứng phó mang lại hiệu quả, mà cụ thể ở đây chính là sự đa dạng trong công việc của các thành viên trong hộ gia đình (Ellis, 2000; Conroy và cộng sự, 2001). Đồng thời, các công việc đó phải là các công việc mang tính chất thường xuyên và ổn định thì sinh kế chung của hộ gia đình mới ít bị tổn thương (Eriksen và cộng sự, 2005).

4. Khung phân tích chiến lược ứng phó trong sinh kế của hộ gia đình với các cú sốc và căng thẳng

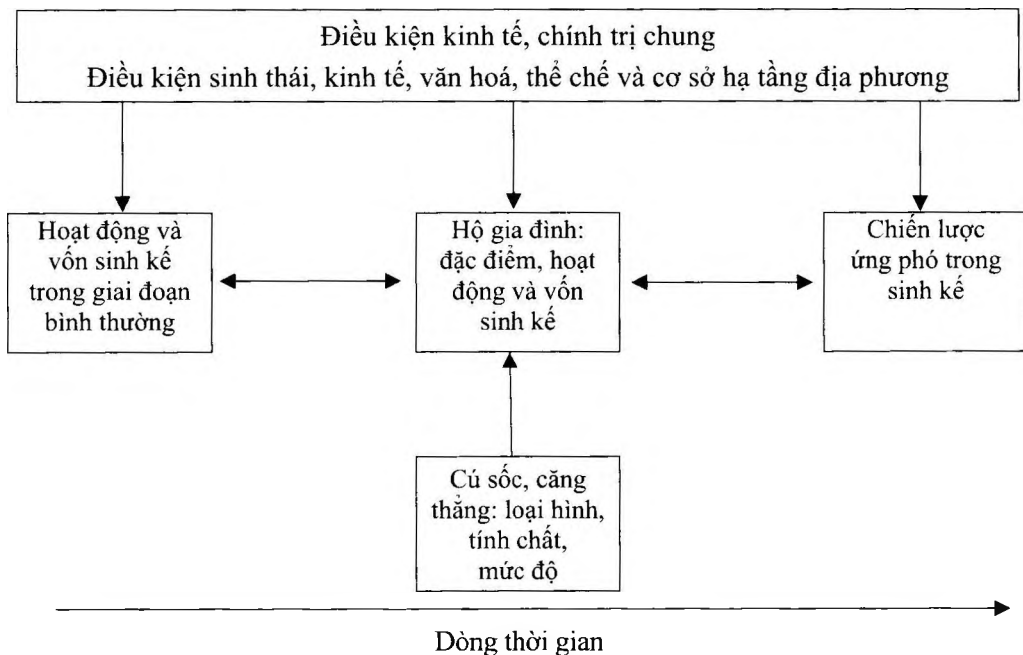
Vấn đề an ninh lương thực và sinh kế bền vững có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, mục tiêu cuối cùng đều nhằm đảm bảo sự phát triển cơ bản, lâu dài cho hộ gia đình trên các phương diện dinh dưỡng và nguồn thu nhập. Cả hai cách tiếp cận này thường được xây dựng và sử dụng bởi các tổ chức phát triển nhằm xác định và đưa ra những can thiệp kịp thời đối với đối tượng bị ảnh hưởng bởi cú sốc, căng thẳng. Can thiệp đó có thể mang tính cấp bách, cứu trợ trước mắt đồng thời cũng là những hỗ trợ lâu dài về mặt sinh kế.

Trong các nghiên cứu về sinh kế và an ninh lương thực, hộ gia đình thường được chọn là đơn vị phân tích, bởi đó là đơn vị tổ chức xã hội cơ bản và đại diện cho bối cảnh lớn hơn về phương diện đời sống hàng ngày, nơi diễn ra các hoạt động để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người (Niehof và Price, 2001). Cụ thể hơn, trên phương diện kinh tế, hộ gia đình là đơn vị tổ chức kinh tế cơ bản bởi đó là nơi diễn ra các hoạt động sản xuất, tái sản xuất, tiêu dùng và quá trình xã hội hoá trẻ em; nơi một nhóm người có chung các nguồn lực, sử dụng, trao đổi và phân phối các nguồn lực đó dựa trên thoả thuận chung (Wheelock & Oughton, 1996:149). Như thế, nghiên cứu chiến lược ứng phó trong sinh kế của hộ gia đình với các cú sốc hay căng thẳng sẽ tập trung vào việc nghiên cứu sự điều chỉnh, thay đổi trong hoạt động sinh kế và sử dụng, trao đổi, phân phối các nguồn vốn sinh kế của các thành viên trong hộ gia đình mà không chỉ tập trung vào một thành viên quyết định chính. Chính vì vậy, đặc điểm của hộ (tình trạng nhân khẩu và các đặc điểm kinh tế xã hội) là khía cạnh cần được quan tâm tìm hiểu và phân tích.

Từ những nghiên cứu trong hai cách tiếp cận trên cho thấy, tuy có nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới sự thay đổi, thành công hay thất bại trong

chiến lược ứng phó về sinh kế của hộ gia đình đối với các cú sốc hay căng thẳng nhưng có hai yếu tố nổi bật, mang tính quyết định. Thứ nhất là đặc điểm hộ và các loại nguồn vốn sinh kế của hộ. Trong đó, nguồn vốn sinh kế của hộ càng đa dạng và vững chắc thì khả năng ứng phó và vượt qua khủng hoảng một cách thành công càng cao, điều đó đồng nghĩa với việc đảm bảo được an ninh lương thực và sinh kế bền vững của hộ gia đình. Thứ hai là đặc điểm, mức độ tác động của cú sốc hay căng thẳng. Theo dòng thời gian diễn ra của cú sốc cho thấy, chiến lược ứng phó sẽ trở thành một quá trình thích ứng về mặt đời sống chung, về sinh kế nói riêng khi cú sốc dần trở thành một xu hướng mang tính căng thẳng kéo dài.

Điểm mấu chốt để nhìn nhận sự thay đổi, điều chỉnh trong chiến lược ứng phó với các cú sốc hay căng thẳng là cần có cái nhìn so sánh các hoạt động sinh kế, cách sử dụng vốn sinh kế trong thời kỳ bình thường và bất thường. Đây là điều mà các nghiên cứu trên đã chỉ ra, với các chỉ báo tiền nghiệm và hậu nghiệm. Tuy nhiên, có những sự kiện từ ban đầu là cú sốc đã dần trở thành tình trạng căng thẳng khi nó tiếp tục kéo dài mà không có dấu hiệu chấm dứt, bởi vậy, sẽ phù hợp hơn khi so sánh ở hai giai đoạn là trước và trong giai đoạn căng thẳng. Từng sự thay đổi cụ thể sẽ được lý giải dựa trên chính đặc điểm của hộ (nhân khẩu, vốn sinh kế) và mức độ mà cú sốc, căng thẳng đang tác động. Đây là hai khía cạnh nội sinh và ngoại sinh quan trọng nhất để phân tích, lý giải chiến lược ứng phó trong sinh kế của hộ gia đình. Trên cơ sở đó, có thể đưa ra một khung phân tích chiến lược ứng phó trong sinh kế của hộ gia đình đối với các cú sốc, căng thẳng như sau:



Nguồn: Tổng hợp từ Frankenberger và cộng sự, 1990; Adams & cộng sự, 1998; USAID, 2011.

5. Kết luận

Nghiên cứu chiến lược ứng phó của hộ gia đình giúp nhận diện rõ hành vi sinh kế của hộ trong những giai đoạn biến động hay bất thường. Khác với những cách tiếp cận chỉ chú trọng vào kết quả sinh kế của hộ, các giai đoạn trong chiến lược ứng phó cho thấy quá trình điều chỉnh hoạt động sinh kế của hộ trước những biến cố. Cách tiếp cận từ dưới lên này giúp những chủ thể bên ngoài hiểu được khủng hoảng, cú sốc và cách ứng phó với nó từ quan điểm của người trong cuộc, hơn là việc cố gắng áp đặt những đánh giá chủ quan từ trên xuống. Bên cạnh đó, từ những động lực lựa chọn của hộ gia đình có thể cung cấp thêm bài học kinh nghiệm cho các nhà hoạch định chính sách và các bên can thiệp đối với việc lập kế hoạch hỗ trợ, điều chỉnh sinh kế hộ gia đình về mặt dài hạn, nhằm đạt được mục tiêu sinh kế bền vững.

Tài liệu trích dẫn

- Adams, A. M., Cekan, J., & Sauerborn, R. 1998. *Towards a conceptual framework of household coping: reflections from rural West Africa*. *Africa*, 68(02), pp. 263-283. doi:10.2307/1161281.
- Agarwal, B. 1990. "Social security and the family: Coping with seasonality and calamity in rural India". *The Journal of Peasant Studies*, 17(3), pp. 341-412. doi: 10.1080/03066159008438426.
- Chambers, R. 1989. *Editorial Introduction: Vulnerability, Coping and Policy*. *IDS Bulletin*, 20(2), 1-7. doi:10.1111/j.1759-5436.1989.mp20002001.x.
- Chambers & Conway. 1991. *Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century*. IDS Discussion Paper 296, IDS, Brighton.
- Chand, S., Bharati, A., Bharaty, A. I. T. K. 2021. "Impact of Covid-19 on tourism-based livelihood of people in Small Island Developing Nation: Case study of A & N Islands", India. *Preprints 2021*, 2021010167. doi: 10.20944/preprints202101.0167.v1.
- Conroy, C., Iyengar, S., Lobo, V. & Rao, G.B. 2001. *Household Livelihood and coping strategies in Semi-arid India: Adapting to long-term changes*. Research Project Report. <https://assets.publishing.service.gov.uk/media/57a08d6eed915d622c0019b3/R7558Rep.pdf>.
- Corbett, J. 1988. *Famine and household coping strategies*. *World Development*, 16(9), 1099-1112. doi:10.1016/0305-750x(88)90112-x.
- Davies, S. 1993. "Are coping strategies a cop out?". *IDS Bulletin*, Volume 24, Issue 4, pp.60-72. <https://doi.org/10.1111/j.1759-5436.1993.mp24004007.x>.
- Davies, Susanna. 1996. *Adaptable Livelihoods: Coping with Food Insecurity in the Malian Sahel*. London: Macmillan Press.
- DFID. 1999. *Sustainable Livelihoods Guidance Sheets*. DFID, London.
- Ellis, F. 2000. "The determinants of rural livelihood diversification in developing countries". *Journal of Agricultural Economics* (51:2). pp. 289-302.
- Eriksen, S.H., Brown, K., Kelly, P.M. 2005. "The dynamics of vulnerability: Locating coping strategies in Kenya and Tanzania". *The Geographical Journal*, 171(4): pp. 287-305.

- Faulkner, B. 2001. "Towards a framework for tourism disaster management". *Tourism Management*, 22(2), pp. 135–147. doi:10.1016/s0261-5177(00)00048-0.
- Frankenberger, T. 1993. "Indicators and Data Collection Methods for Assessing Household Food Security". In S. Maxwell and T. Frankenberger (eds), *Household Food Security: Concepts, Indicators, Measurements: A Technical Review*, UNICEF/IFAD, 1993. pp. 73-135.
- Frankenberger, T.R.; Goldstein, D.M. 1990. "Food security, coping strategies and environmental degradation". *Arid Lands Newsletter*, Vol.30 No.Fall/Winter. pp. 21-27.
- Haidar, M. 2009. *Sustainable livelihood approaches: the framework, lessons learnt from practice and policy recommendations*. Drylands Development Centre [Beirut]: UN ESCWA, 17 Dec. 2009.
- Kaushal, V., & Srivastava, S. 2020. "Hospitality and Tourism Industry amid COVID-19 Pandemic: Perspectives on Challenges and Learnings from India". *International Journal of Hospitality Management*, 102707. doi:10.1016/j.ijhm.2020.102707.
- Krantz, L. 2001. *The Sustainable Livelihood Approach to Poverty Reduction An Introduction*. SWEDISH International Development Cooperation Agency, Division for Policy and Socio-Economic Analysis.
- Maxwell và Smith. 1993. "Household Food Security: A Conceptual Review". In S. Maxwell and T. Frankenberger (eds). *Household Food Security: Concepts, Indicators, Measurements: A Technical Review*, UNICEF/IFAD, 1993. pp. 1-72.
- Maxwell, D & Cardwell, R. 2008. *The Coping Strategies Index Field Methods Manual Second Edition*, January 2008.
- Mishra, S. 2007. "Household Livelihood and Coping Mechanism During Drought among Oraon Tribe of Sundargarh District of Orissa, India", *Journal of Social Sciences*, 15:2. pp. 181-186, DOI: 10.1080/09718923.2007.11892580.
- Niehof, A., and L. Price. 2001. *Rural livelihood systems: a conceptual framework*. UPWARD Working Paper Series No. 5, 2001. WU-UPWARD, Wageningen <https://edepot.wur.nl/379081>.
- Oxfam. 2018. *Measuring household stress: The development of a contextualized multi-sector Coping Strategy Index for Afghanistan*.
- Rashid, D.A. & Langworthy, M. & Aradhyula, V. 2006. *Livelihood Shocks and Coping Strategies: An Empirical Study of Bangladesh Households*. Annual meeting, July 23-26, Long Beach, CA 21231, American Agricultural Economics Association (New Name 2008: Agricultural and Applied Economics Association).
- Rennie, J.K. and Singh, N. 1996. *Participatory Research for Sustainable Livelihoods*. International Institute for Sustainable Development, Winnipeg.
- Scoones, I. 1998. *Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*, IDS Working Paper 72, Brighton: IDS.10. S. H. T. Kumudumali.
- System of National Accounts (SNA). 1993. <https://unstats.un.org/unsd/nationalaccount/docs/1993sna.pdf>.
- USAID. 2011. *Livelihood & Food security conceptual framework*, https://www.marketlinks.org/sites/default/files/resource/files/LIFT%20ES%20Framework_8%2017%202011.pdf.
- Wheelock, J., & Oughton, E. 1996. "The Household as a Focus for Research". *Journal of Economic Issues*, 30(1). pp. 143–159. doi:10.1080/00213624.1996.11505770.